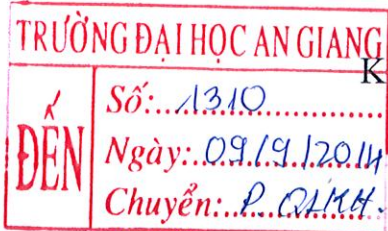


**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1652 /KHXXH – QLKH  
V/v thông báo đề xuất nhiệm vụ KH&CN  
thuộc Chương trình Tây Nam Bộ

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2014



Kính gửi: Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ  
Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Tây Nam Bộ  
Các Viện nghiên cứu, các trường Đại học

*P. QLKH triển khai* Tại Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đồng chủ trì thực hiện Chương trình “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” (Chương trình Tây Nam Bộ). Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1337/QĐ-BKHCN thành lập Ban chủ nhiệm Chương trình, cử GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và PGS.TS. Phan Thanh Bình, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh làm đồng chủ nhiệm Chương trình.

Để Chương trình có thể triển khai từ năm 2015, thực hiện phân công giữa hai đồng Chủ nhiệm Chương trình, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đề nghị các cơ quan và cá nhân các nhà khoa học đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu đính kèm) ở các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ theo các nội dung ở Khung chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số 734/QĐ-BKHCN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các nội dung đã được Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cụ thể hóa (các văn bản kèm theo).

Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (cả bằng văn bản và bản điện tử) xin được gửi về Ban Quản lý khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 270 Nguyễn Trọng Tuyển, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 20 tháng 9 năm 2014; địa chỉ email: banqlkh@vass.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&CN;
- ĐHQG TPHCM
- Lưu: VT, QLKH.



**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Thắng

Đồng Chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ

## PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN*):
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...*):
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KH&CN):
  - 9.1 Xuất xứ hình thành:  
*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KH&CN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.  
Nếu là dự án KH&CN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
  - 9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (*Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...*)

..., ngày ... tháng... năm 20...  
**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  
(*Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức*)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

Số: 734 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm  
của Chương trình KH&CN cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019  
"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu của giai đoạn 2011 - 2015;

Theo Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17/7/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước (nay là cấp Quốc gia) phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ;

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019 "Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ", Mã số: KH-CN-TNB/14-19, gọi tắt là "Chương trình Tây Nam Bộ" (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ; các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính; Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2,
- Lưu: VT, XHTN.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Quân

## Phụ lục



**MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM  
CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2014 - 2019  
"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"  
(Mã số: KH-CN-TNB/14-19)**

*(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-KHCN ngày 18 tháng 4 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

### I. Mục tiêu

#### *I.1. Mục tiêu tổng quát*

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược, chính sách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN); triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển bền vững, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, có tính đến bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

#### *I.2. Các mục tiêu cụ thể*

(1) Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Đề xuất các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

(3) Triển khai có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ đã được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ)\*.

\* Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 đã nêu "Tập trung nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp các giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long".

## **II. Các nội dung nghiên cứu chính**

### **II.1. Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Đánh giá tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nam Bộ trong 30 năm đổi mới và phát triển; Nghiên cứu đề xuất quan điểm, mô hình, định hướng và hệ giải pháp cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ và các tỉnh trong vùng; Dự báo bối cảnh mới trong nước và quốc tế và tác động đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá các chương trình, dự án KH&CN từ năm 1986 đến nay phục vụ phát triển vùng Tây Nam Bộ, việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, việc triển khai các quy hoạch và giải pháp ở vùng Tây Nam Bộ về thể chế kinh tế thị trường, về kết cấu hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH.

- Nghiên cứu đánh giá toàn diện thực trạng cơ cấu kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và chuyển đổi sinh kế của các địa phương trong vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá mức độ ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế của vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững.

- Nghiên cứu đánh giá các vấn đề cơ bản về quốc phòng và an ninh trong mối tương quan với các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, và môi trường.

- Xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, đề xuất khung và phác thảo mô hình phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II.2. Nghiên cứu các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học xây dựng cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, đảm bảo tính liên kết giữa các lĩnh vực, liên kết vùng, liên kết giữa các chủ thể xã hội và khả năng hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu tổng thể hiệu ứng các công trình phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Triển khai một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo, kinh tế với văn hóa, hình thành các chuỗi giá trị hướng vào khai thác các lợi thế của vùng Tây Nam Bộ.

- Xây dựng và chuyển giao cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Xây dựng các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **II.3. Triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp; cung cấp giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, giải quyết đồng bộ các vấn đề liên quan đến vận chuyển, bảo quản, chế biến, dịch vụ tư vấn, tiếp thị quảng cáo, xây dựng thương hiệu, xuất khẩu... cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu: Nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, xử lý và bảo vệ môi trường cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản, góp phần xây dựng các thương hiệu mạnh cho các sản phẩm xuất khẩu của vùng Tây Nam Bộ.

- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến và phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, năng lượng gió đi đôi với đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

## **III. Các kết quả, sản phẩm KH&CN chủ yếu**

### **III.1. Báo cáo, kiến nghị về luận cứ khoa học**

- Báo cáo tổng kết, đánh giá thực tiễn 30 năm phát triển kinh tế xã-hội vùng Tây Nam Bộ, luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, mô hình, hệ giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển các ngành kinh tế chủ lực, sản phẩm mũi nhọn vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực, hội nhập quốc tế, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng.

- Báo cáo luận cứ khoa học cho việc quy hoạch tổng thể vùng phục vụ PTBV vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực.

- Kiến nghị về cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Bộ chỉ số về phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế phù hợp với bộ chỉ tiêu của quốc gia, mang đặc thù của vùng Tây Nam Bộ, gắn với hội nhập quốc tế.

### **III.2. Các giải pháp KH&CN liên ngành, cơ sở dữ liệu**

- Giải pháp KH&CN nâng cao giá trị các mặt hàng nông - lâm - thủy sản chế biến.

- Giải pháp KH&CN phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **III.3. Mô hình triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu của vùng Tây Nam Bộ.



- Mô hình triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản các mặt hàng nông - lâm - thủy sản cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo cho vùng Tây Nam Bộ.

---

**PHỤ LỤC**

**NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA CÁC NHIỆM VỤ THUỘC LĨNH  
VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG  
TÂY NAM BỘ**

thuộc Chương trình “*Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*”

(Mã số: KHCN-TNB/14-19)

(Kèm theo công văn số 1652 /KHXX-KHCN ngày 4 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Viện  
Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - đồng chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ)

## **I. CÁC NỘI DUNG CHÍNH**

*1. Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*

1.1. Đánh giá tình hình phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ về các lĩnh vực: thể chế/chính sách, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường từ năm 1986 đến nay.

1.2. Đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia, các quy hoạch và chiến lược phát triển vùng Tây Nam Bộ từ năm 1986 đến nay.

1.3. Nghiên cứu các vấn đề cơ bản và đánh giá toàn diện thực trạng phát triển bền vững Tây Nam Bộ trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng an ninh (tập trung vào các vấn đề chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và tái cơ cấu kinh tế vùng TNB; các vấn đề cơ bản về quốc phòng và an ninh đối với PTBV vùng TNB, hệ thống chính trị ở cơ sở; các vấn đề sinh kế, di dân và tái định cư; các vấn đề xóa đói giảm nghèo; các vấn đề an sinh xã hội; hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vấn đề phát triển nguồn nhân lực; vấn đề quy hoạch và quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên; vấn đề ứng xử với môi trường, nhận thức và ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai; các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân; vấn đề đô thị hóa; các vấn đề về bản sắc và đa dạng văn hóa; các vấn đề dân tộc, tôn giáo vùng TNB và xuyên biên giới; vấn đề hoàn thiện thể chế về phát triển bền vững vùng; vấn đề hội nhập quốc tế vùng TNB...)

1.4. Nghiên cứu đề xuất quan điểm, mô hình, định hướng và hệ giải pháp cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ở các trụ cột chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng an ninh.

1.5. Điều tra cơ bản các yếu tố kinh tế - xã hội - văn hóa - môi trường của vùng Tây Nam Bộ để xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2016-2030, tầm nhìn 2050.

*2. Nghiên cứu các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*

- Nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học xây dựng cơ chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng (trong nước và quốc tế), các mô hình liên kết hướng tới phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai một số mô hình liên kết giữa giáo dục và đào tạo, kinh tế và văn hóa, KH&CN với đời sống của dân cư vùng Tây Nam Bộ.

## **II. KẾT QUẢ, SẢN PHẨM CHỦ YẾU**

1. Các báo cáo, kiến nghị và xuất bản phẩm khoa học
2. Hệ thống cơ sở dữ liệu
3. Mô hình và hệ giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ

## **III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT**

Các đề xuất nhiệm vụ phải thực hiện theo đúng mẫu biểu kèm theo, trong đó, phần thuyết minh nội dung cần trình bày tối thiểu trong 5 trang A4.